

Bản án số: **2098/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 18-12-2020

Về việc Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tùng.

Bà Đặng Thị Huệ Tú.

- Thư ký phiên tòa:

Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Ông Cao Hoàng Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 655/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 6008/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Vũ Hạnh T, sinh năm 1986; địa chỉ: Số X đường D, Phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt. (Có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phạm Thiên Nam V, sinh năm 1983; quốc tịch: Hoa Kỳ; địa chỉ: Hoa Kỳ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Vũ Hạnh T trình bày: Bà và ông Phạm Thiên Nam V tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số X1 quyển số X2 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 7 năm 2015. Sau khi kết hôn bà cùng ông Phạm Thiên Nam V chung sống tại Việt Nam khoảng 03 tuần thì ông Phạm Thiên Nam V trở về Hoa Kỳ. Nhiều tháng sau đó, ông Phạm Thiên Nam V mới liên lạc lại và thông báo rằng không thể tiếp tục sống chung với bà do cảm thấy hai người không có sự hòa hợp; ông Phạm Thiên Nam V đã chung sống với người khác. Đồng thời, ông Phạm Thiên Nam V cũng không làm thủ tục để bảo

lãnh bà sang Hoa Kỳ để đoàn tụ vợ chồng, hai người phát sinh mâu thuẫn. Bà đã cố gắng thuyết phục nhưng ông Pham Thien Nam V không những không thay đổi mà còn có những lời nói xúc phạm bà và gia đình bà. Bà và ông Pham Thien Nam V đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Do không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân không có hạnh phúc, bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông Pham Thien Nam V.

Về con chung: Bà và ông Pham Thien Nam V không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Giữa bà và ông Pham Thien Nam V không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản.

Đối với bị đơn ông Pham Thien Nam V: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo thời gian và địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thông qua thủ tục ủy thác tư pháp đến Cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ, theo địa chỉ của bị đơn do nguyên đơn cung cấp. Đồng thời, yêu cầu ông Pham Thien Nam V có văn bản gửi Tòa án trình bày ý kiến về việc bà Vũ Hạnh T khởi kiện yêu cầu ly hôn (theo Công văn ủy thác tư pháp số 96/UTTPDS-TA30 ngày 10 tháng 02 năm 2020). Đến ngày mở phiên tòa như đã định tại thông báo gửi đương sự, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không nhận được văn bản thông báo về kết quả tổng đạt cũng như bản tự khai, tài liệu, chứng cứ của bị đơn và bị đơn vắng mặt, không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Để đảm bảo việc giải quyết vụ án theo đúng thời hạn luật định và bảo đảm quyền lợi của đương sự khác, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[2] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm có nêu: Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm, các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định pháp luật về tố tụng dân sự; quan hệ tranh chấp của vụ án đã được xác định đúng, chứng cứ được thu thập hợp lệ; vụ án có yếu tố nước ngoài Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền; thủ tục ủy thác tư pháp đã được tiến hành hợp lệ. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa đã có văn bản trình bày ý kiến giao nộp cho Tòa án và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lời khai, tài liệu, chứng cứ, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án giải quyết vụ án theo luật định. Đề xuất về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Theo trình bày của bà Vũ Hạnh T thì quan hệ hôn nhân giữa bà và ông Pham Thien Nam V được xác lập trên cơ sở tự nguyện; tuy nhiên, sau khi kết hôn thì ông Pham Thien Nam V trở về Hoa Kỳ nên vợ chồng không chung sống hay liên hệ gì với nhau, thời gian sống ly thân kéo dài nên không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

bà T. Về con chung, tài sản chung và nợ chung nguyên đơn xác định không có, không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, giấy chứng nhận kết hôn; căn cứ lời trình bày của nguyên đơn tại bản tự khai, có cơ sở để xác định đây là vụ án về ly hôn. Bị đơn trong vụ án là ông Phạm Thiên Nam V quốc tịch Hoa Kỳ, hiện đang cư trú tại Hoa Kỳ; nguyên đơn bà Vũ Hạnh T cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, Điểm c Khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt thông báo về thời gian và địa điểm mở phiên tòa cho bị đơn thông qua thủ tục ủy thác tư pháp nhưng không có thông báo về kết quả tổng đạt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Xét, yêu cầu và ý kiến của nguyên đơn đã được thể hiện rõ trong bản khai, sự vắng mặt của các bên đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và 3 Điều 228, Khoản 4 và 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; Giấy chứng nhận kết hôn số X1 quyển số X2 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 7 năm 2015, có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Vũ Hạnh T với ông Phạm Thiên Nam V được xác lập trên cơ sở tự nguyện là hợp pháp.

Theo trình bày của nguyên đơn bà Vũ Hạnh T thì sau khi kết hôn vợ chồng bà chung sống trong một khoảng thời gian ngắn tại Việt Nam, sau đó ông Phạm Thiên Nam V trở về Hoa Kỳ sinh sống, làm việc. Tuy nhiên, ông Phạm Thiên Nam V không làm thủ tục bảo lãnh bà sang Hoa Kỳ để đoàn tụ vợ chồng và còn thông báo không thể duy trì cuộc sống hôn nhân với bà, từ năm 2015 đến nay hai người sống ly thân. Mặc dù đã cố gắng để hòa giải, thuyết phục ông Phạm Thiên Nam V hàn gắn đoàn tụ nhưng không có kết quả, nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Phạm Thiên Nam V.

Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa nguyên đơn và bị đơn đã không còn chung sống trong khoảng thời gian dài, vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình, cuộc sống hôn nhân không

hạnh phúc. Do đó, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà Vũ Hạnh T được ly hôn ông Phạm Thiên Nam V như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[3] Về con chung:

Nguyên đơn trình bày giữa bà và ông Phạm Thiên Nam V không có con chung, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về quyền, nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Nguyên đơn trình bày giữa bà và ông Phạm Thiên Nam V không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm; lệ phí, chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí, chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, Điểm c Khoản 1 Điều 40, Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 và 3 Điều 228, Điểm c Khoản 5 Điều 477, Khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 121 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

I. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Vũ Hạnh T:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Vũ Hạnh T được ly hôn với ông Phạm Thiên Nam V.

Giấy chứng nhận kết hôn số X1 quyển số X2 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 7 năm 2015 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Nguyên đơn trình bày không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Nguyên đơn trình bày giữa vợ chồng không có nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu phân chia tài sản chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

II. Án phí dân sự sơ thẩm; lệ phí, chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

Nguyên đơn bà Vũ Hạnh T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đương sự đã nộp theo biên lai thu tiền số X3 ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, đương sự đã thi hành xong án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Vũ Hạnh T phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp và chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

III. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Vũ Hạnh T có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Phạm Thiên Nam V theo quy định tại Điểm c Khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thời hạn kháng cáo của bị đơn là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM
- VKSND Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- UBND Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS. (TC20)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tuấn